

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO
THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính do Trung ương giải quyết				
1	1.010702	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe	Cục Đường bộ Việt Nam
2	1.010703	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN		
3	1.010704	Cấp Giấy phép liên vận ASEAN		
4	1.010705	Cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN		
5	1.002829	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS		
6	1.002823	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS		
7	1.002817	Cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD		
8	1.002805	Cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD		
9	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào		
10	1.002838	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
11	1.002842	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe	Cục Đường bộ Việt Nam
12	1.002836	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào		
13	1.000302	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia		
14	1.010706	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia		
15	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia		
16	1.000318	Ngừng khai thác tuyến, điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia		
17	2.000118	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia		
B. Thủ tục hành chính do Trung ương và địa phương giải quyết				
18	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe	Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải
19	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
20	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe	Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải
21	1.002325	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc		
22	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia		
23	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia		
24	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
25	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
C. Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết				
26	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Sở Giao thông vận tải
27	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		
28	1.001735	Cấp Giấy phép xe tập lái		
29	1.001751	Cấp lại Giấy phép xe tập lái		
30	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô		
31	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo		
32	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
33	1.000004	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Sở Giao thông vận tải
34	1.004998	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động		
35	1.004987	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động		
36	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		
37	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng		
38	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng		
39	2.002288	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
40	2.002289	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Sở Giao thông vận tải
41	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới		
42	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam		
43	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc		
44	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc		
45	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		
46	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
47	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Sở Giao thông vận tải
48	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		
49	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào		
50	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia		
51	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia		
52	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
53	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
54	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
55	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN
ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...

Hanoi, (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature & Official Stamp)

2. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN
ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...

Hanoi, (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature & Official Stamp)

3. Cấp Giấy phép liên vận ASEAN

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận ASEAN đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận ASEAN. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận ASEAN theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận ASEAN.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận ASEAN;

- Giấy phép liên vận ASEAN.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.


Hành trình tuyến đường:

..., ngày...tháng...năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu Giấy phép liên vận ASEAN

<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</p>  <p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p>	<p style="text-align: center;">Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p style="text-align: center;">The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p style="text-align: center;">Mặt sau bìa trước/Back side</p>
<p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Ministry of Transport of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số (Permit No.).....</p> <p>Cấp cho (Issued to):</p> <p><input type="checkbox"/> Phương tiện thương mại (Commercial vehicle)</p> <p><input type="checkbox"/> Phương tiện phi thương mại (Noncommercial vehicle)</p> <p>Trang 1 Page 1</p>	<p style="text-align: center;">Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration Number)</p> <p>Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign) VN</p> <p>Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải Details of Transport Operator</p> <p>Tên đơn vị (Transport Operator Name):</p> <p>Địa chỉ (Address):</p> <p>Số điện thoại (Telephone number):.....</p> <p>Số Fax/</p> <p>Địa chỉ email (Fax number/Email address):.....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross Border Transport Permit No.):.....</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date):</p>

				Trang 2 Page 2			
GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này có giá trị This permit is valid Từ ngày (From):.....(dd/mm/yyyy) Đến ngày (Until):.....(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination): Ngày cấp (Date of issuance): Issuing Authority (Signature & Stamp)				GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này được gia hạn This permit is extended Đến ngày (Until):.....(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination): Ngày cấp (Date of issuance): Issuing Authority (Signature & Stamp)			
Trang 3 Page 3				Trang 4 Page 4			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)	Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary)	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary)	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan

admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Customs seal	Customs seal	Customs seal	admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Hải quan Customs seal	Customs seal	Customs seal	Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)	Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):... - Tuyến đường (Route):...	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):... - Tuyến đường (Route):...	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Dấu Biên phòng Border guards seal				Dấu Biên phòng Border guards seal			
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... ... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... ... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
<p align="center">Hướng dẫn (Instruction)</p> <p>1. Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa This permit contains 50 pages excluding the covers</p> <p>2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This permit shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>				<p align="center">Ghi chú (Notices):</p> <p>Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm Page size: 105 mm x 150 mm</p> <p>Bìa màu cam dùng để cấp cho tất cả các phương tiện. Orange cover used for all vehicles.</p>			

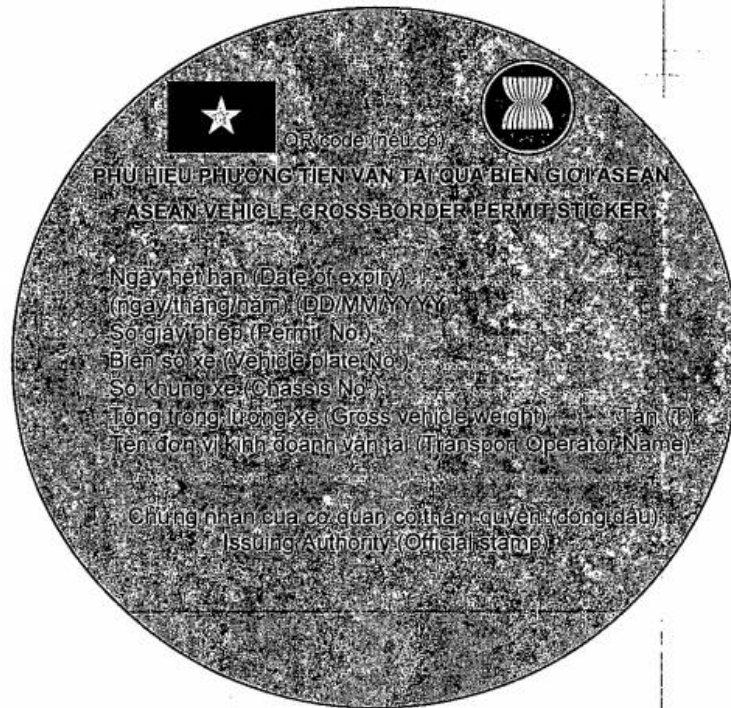
Mẫu phù hiệu phương tiện vận tải qua biên giới ASEAN

Kích cỡ và kích thước của Phù hiệu:

Đường kính ngang: ± 11.5 cm

Đường kính dọc: ± 11.8 cm

Nền phù hiệu: Màu cam



Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

4. Cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận ASEAN. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

* Trường hợp bị hư hỏng, bị mất: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo mẫu

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận ASEAN.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN;

- Giấy phép liên vận ASEAN.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.


Hành trình tuyến đường:

..., ngày...tháng...năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu Giấy phép liên vận ASEAN

<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</p>  <p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p>	<p style="text-align: center;">Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p style="text-align: center;">The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p style="text-align: center;">Mặt sau bìa trước/Back side</p>
<p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Ministry of Transport of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số (Permit No.).....</p> <p>Cấp cho (Issued to):</p> <p><input type="checkbox"/> Phương tiện thương mại (Commercial vehicle)</p> <p><input type="checkbox"/> Phương tiện phi thương mại (Noncommercial vehicle)</p> <p>Trang 1 Page 1</p>	<p style="text-align: center;">Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration Number)</p> <p>Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign) VN</p> <p>Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải Details of Transport Operator</p> <p>Tên đơn vị (Transport Operator Name):</p> <p>Địa chỉ (Address):</p> <p>Số điện thoại (Telephone number):.....</p> <p>Số Fax/</p> <p>Địa chỉ email (Fax number/Email address):.....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross Border Transport Permit No.):.....</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date):</p>

				Trang 2 Page 2			
GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này có giá trị This permit is valid Từ ngày (From):.....(dd/mm/yyyy) Đến ngày (Until):.....(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination): Ngày cấp (Date of issuance): Issuing Authority (Signature & Stamp)				GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này được gia hạn This permit is extended Đến ngày (Until):.....(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination): Ngày cấp (Date of issuance): Issuing Authority (Signature & Stamp)			
Trang 3 Page 3				Trang 4 Page 4			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)	Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary)	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary)	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan	Dấu Hải quan

admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Customs seal	Customs seal	Customs seal	admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Hải quan Customs seal	Customs seal	Customs seal	Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)	Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):... - Tuyến đường (Route):...	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):.... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point).... - Cửa khẩu ra (Exit point):... - Tuyến đường (Route):...	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Dấu Biên phòng Border guards seal				Dấu Biên phòng Border guards seal			
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... ... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biê n phòng Border guards s eal	- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):.... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biê n phòng Border guards s eal
<p align="center">Hướng dẫn (Instruction)</p> <p>1. Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa This permit contains 50 pages excluding the covers</p> <p>2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This permit shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>				<p align="center">Ghi chú (Notices):</p> <p>Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm Page size: 105 mm x 150 mm</p> <p>Bìa màu cam dùng để cấp cho tất cả các phương tiện. Orange cover used for all vehicles.</p>			

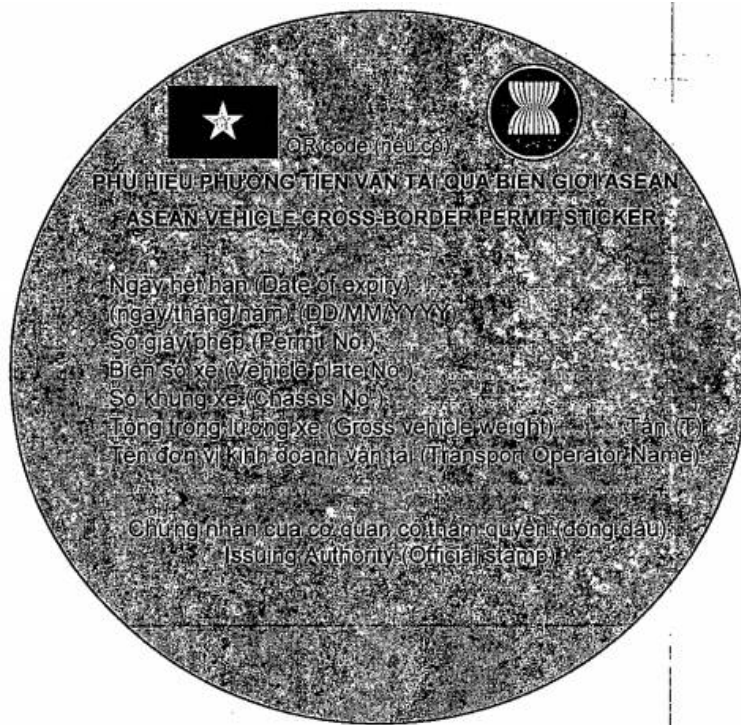
Mẫu phù hiệu phương tiện vận tải qua biên giới ASEAN

Kích cỡ và kích thước của Phù hiệu:

Đường kính ngang: ± 11.5 cm

Đường kính dọc: ± 11.8 cm

Nền phù hiệu: Màu cam



Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

5. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS;
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS

Kính gửi: _____

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.... ngày cấp:
- Cơ quan cấp:
5. Đề nghị (cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô hoặc vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

 * **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
GMS ROAD TRANSPORT PERMIT

Số giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...
Hanoi, (dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature & Stamp)

6. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS;

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.... ngày cấp:
- Cơ quan cấp:
5. Đề nghị (cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô hoặc vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

 * **Chú ý:** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
GMS ROAD TRANSPORT PERMIT

Số giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...
Hanoi, (dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature & Stamp)

7. Cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận GMS. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

7.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD.

7.8. Phí, lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD;

- Giấy phép liên vận GMS;

- Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GSM/sổ TAD

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÉP

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GSM/SỔ TAD

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GSM số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận GSM/sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:).

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình tuyến đường:

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép liên vận GMS¹



National Transport Facilitation Committee

Viet Nam

GMS Road Transport Permit¹

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Laos People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Goods and Passengers.

Permit No.	Distinguishing Nationality Sign	Permit number	Optional Barcode
------------	---------------------------------	---------------	------------------

- Type of Permit/Transport Operation²:
- Scheduled passenger transport
 - Non-Scheduled passenger transport
 - Cargo transport

1. Issuing Authority:

1.1. Name:

1.2. Address:

1.3. Contact Data³:

2. Beneficiary of the Permit⁴:

2.1. Name:

2.2. Address:

2.3. Contact Data:

2.4. Road Transport Operator's National License Number:⁵

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

3.1. Itinerary:

3.2. Frequency of operations for the beneficiary:

3.3. Maximum Capacity (number of seats/persons):

3.4. Other Restrictions:⁶

4. Period of Validity: from until⁷

5. Allocated Vehicle Registration Number⁸:

Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer

Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer

1		
---	--	--

5		
---	--	--

2		
---	--	--

6		
---	--	--

3		
---	--	--

7		
---	--	--

4		
---	--	--

8		
---	--	--

Place and date of Issuance: Authentication (Seal/Stamp, Signature):

1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.

2. Please tick the type of transport operation.

3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.

4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.

5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.

6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.

7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date

of entry in the Host Country territory. If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension.


8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forthwith replace the original form.

¹ Giấy phép liên vận GMS được ban hành theo Nghị định thư 111 và Điều 23 của Hiệp định giữa chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên minh Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách qua biên giới. Mẫu giấy phép liên vận GMS chỉ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD)

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation
Agreement




Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

SPECIMEN

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation
Agreement



Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Ministry of Transport

Số Sổ TAD No. _____

Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS:
GMS Road Transport Permit No. _____

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Tiểu vùng Mê Kông mở rộng
Greater Mekong Subregion
Motor Vehicle
Temporary Admission Document (TAD)

Phương tiện Type of Vehicle

Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle

Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle


Số đăng ký xe/Năm sản xuất
Vehicle Registration Number/Year of Production

Số đăng ký Sơ-ri ra-mô-ô (dùng với phương tiện chính)
Semi-Trailer Registration Numbers (For Use With The Main Vehicle)

1.	2.	3.
4.	5.	6.

Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign

SPECIMEN



VN

2

<p style="text-align: center;">Đặc điểm phương tiện Particulars of the Vehicle</p> <p>1. Thông số kỹ thuật Technical Data</p> <p>Loại phương tiện Vehicle Category _____</p> <p>Nhãn hiệu Brand _____</p> <p>Model Model _____</p> <p>Màu sắc Colour _____</p> <p>Vị trí Tay lái Steering Wheel <input type="checkbox"/> Trái Left <input type="checkbox"/> Phải Right</p> <p>Số máy Engine No. _____</p> <p>Số khung Chassis No. _____</p> <p>Kích thước Dimensions</p> <p>Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm</p> <p>Width _____ mm, Length _____ mm, Height _____ mm</p> <p>Số chỗ ngồi Number of Seats _____</p> <p>Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____</p> <p>Khối lượng bản thân Net Weight _____</p> <p>Giá trị phương tiện (bảng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai) Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance) _____</p> <p style="text-align: center;">3</p>	<p>2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có)* Additional Articles and Equipment (if Any)*</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tùng Spare Parts</p> <p><input type="checkbox"/> Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ kiện khác Others</p> <p>* Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô. In reasonable quantities. Please tick.</p> <p>3. Dữ liệu bổ sung Additional Data</p> <p>Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện Name of Company/Vehicle Owner _____</p> <p>Số điện thoại di động Mobile Phone _____</p> <p>Địa chỉ Address _____</p> <p>Đường/phố Street _____</p> <p>Thành phố City _____</p> <p>Quận/huyện County (District) _____</p> <p>Tỉnh Province _____</p> <p style="text-align: center;">4</p>
<p>4. Có giá trị đến _____ Valid Until</p> <p>Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date _____</p> <p>Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép Signature and Seal of Issuing Authority</p> <p style="text-align: center;">Giới hạn thời gian lưu hành Extension of Validity</p> <p>Có giá trị đến _____ Valid Until _____</p> <p>Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date _____</p> <p>Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép Signature and Seal of Issuing Authority</p> <p style="text-align: center;">6</p>	<p style="text-align: center;">Giới thiệu Introduction</p> <p>1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là "Hiệp định"), Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định.</p> <p>In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the "Agreement"), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA.</p> <p>2. Nghiêm cấm tẩy xóa, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong sổ này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted.</p> <p>3. Trong trường hợp đánh mất sổ này, người có tên trên sổ phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan chức năng của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời.</p> <p>In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course.</p> <p style="text-align: center;">7</p>

4. Số này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date.

6. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu.
The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request.

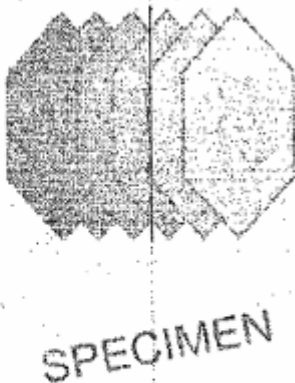
6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tập theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn được cơ quan chức năng cho phép, tối đa là 30 ngày để hoàn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác.
Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of

the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause.

7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phản ứng kịp thời hoặc không chấm dứt sử dụng sổ này theo thời gian quy định), thì Chủ phương tiện/công ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn thiếu cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà.
In case of any irregularity (e.g. breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities.

Số này gồm có 60 trang, không kể trang bìa
This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover

Hồ sơ hoạt động
RECORD

Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)
	

10

SPECIMEN

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

8. Cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận GMS. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

8.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

* Trường hợp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD bị hư hỏng, bị mất: Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD;
- Giấy phép liên vận GMS;
- Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GSM/sổ TAD

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÉP

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GSM/SỔ TAD

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GSM số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận GSM/sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:).

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình tuyến đường:

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép liên vận GMS¹



National Transport Facilitation Committee

Viet Nam

GMS Road Transport Permit¹

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Laos People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Goods and Passengers.

Permit No.	Distinguishing Nationality Sign	Permit number	Optional Barcode
------------	---------------------------------	---------------	------------------

- Type of Permit/Transport Operation²:
- Scheduled passenger transport
 - Non-Scheduled passenger transport
 - Cargo transport

1. Issuing Authority:

1.1. Name:

1.2. Address:

1.3. Contact Data³:

2. Beneficiary of the Permit⁴:

2.1. Name:

2.2. Address:

2.3. Contact Data:

2.4. Road Transport Operator's National License Number:⁵

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

3.1. Itinerary:

3.2. Frequency of operations for the beneficiary:

3.3. Maximum Capacity (number of seats/persons):

3.4. Other Restrictions:⁶

4. Period of Validity: from until⁷

5. Allocated Vehicle Registration Number⁸:

Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer

Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer

1		
---	--	--

5		
---	--	--

2		
---	--	--

6		
---	--	--

3		
---	--	--

7		
---	--	--

4		
---	--	--

8		
---	--	--

Place and date of Issuance: Authentication (Seal/Stamp, Signature):

1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.

2. Please tick the type of transport operation.

3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.

4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.

5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.

6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.

7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date

of entry in the Host Country territory. If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension.


8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forthwith replace the original form.

¹ Giấy phép liên vận GMS được ban hành theo Nghị định thư 111 và Điều 23 của Hiệp định giữa chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên minh Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách qua biên giới. Mẫu giấy phép liên vận GMS chỉ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD)

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation
Agreement




Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

SPECIMEN

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation
Agreement



Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Ministry of Transport

Số Sổ TAD No. _____

Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS:
GMS Road Transport Permit No. _____

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Tiểu vùng Mê Kông mở rộng
Greater Mekong Subregion
Motor Vehicle
Temporary Admission Document (TAD)

Phương tiện Type of Vehicle

Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle

Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle


Số đăng ký xe/Năm sản xuất
Vehicle Registration Number/Year of Production

Số đăng ký Sơ-ri ra-mô-ô (dùng với phương tiện chính)
Semi-Trailer Registration Numbers (For Use With The Main Vehicle)

1.	2.	3.
4.	5.	6.

Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign

SPECIMEN

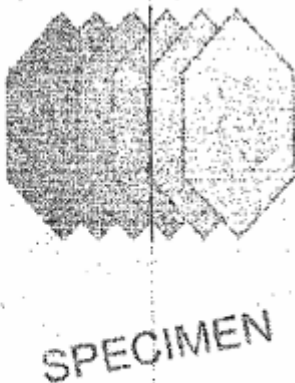


VN

2

<p style="text-align: center;">Đặc điểm phương tiện Particulars of the Vehicle</p> <p>1. Thông số kỹ thuật Technical Data</p> <p>Loại phương tiện Vehicle Category _____</p> <p>Nhãn hiệu Brand _____</p> <p>Model Model _____</p> <p>Màu sắc Colour _____</p> <p>Vị trí Tay lái Steering Wheel <input type="checkbox"/> Trái Left <input type="checkbox"/> Phải Right</p> <p>Số máy Engine No. _____</p> <p>Số khung Chassis No. _____</p> <p>Kích thước Dimensions</p> <p>Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm</p> <p>Width _____ mm, Length _____ mm, Height _____ mm</p> <p>Số chỗ ngồi Number of Seats _____</p> <p>Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____</p> <p>Khối lượng bản thân Net Weight _____</p> <p>Giá trị phương tiện (bảng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai) Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance) _____</p> <p style="text-align: center;">3</p>	<p>2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có)* Additional Articles and Equipment (if Any)*</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tùng Spare Parts</p> <p><input type="checkbox"/> Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ kiện khác Others</p> <p>* Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô. In reasonable quantities. Please tick.</p> <p>3. Dữ liệu bổ sung Additional Data</p> <p>Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện Name of Company/Vehicle Owner _____</p> <p>Số điện thoại di động Mobile Phone _____</p> <p>Địa chỉ Address _____</p> <p>Đường/phố Street _____</p> <p>Thành phố City _____</p> <p>Quận/huyện County (District) _____</p> <p>Tỉnh Province _____</p> <p style="text-align: center;">4</p>
<p>4. Có giá trị đến _____ Valid Until</p> <p>Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date _____</p> <p>Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép Signature and Seal of Issuing Authority</p> <p style="text-align: center;">Giới hạn thời gian lưu hành Extension of Validity</p> <p>Có giá trị đến _____ Valid Until _____</p> <p>Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date _____</p> <p>Chữ ký và dấu của cơ quan gia hạn Signature and Seal of Issuing Authority</p> <p style="text-align: center;">6</p>	<p style="text-align: center;">Giới thiệu Introduction</p> <p>1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là "Hiệp định"), Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định.</p> <p>In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the "Agreement"), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA.</p> <p>2. Nghiêm cấm tẩy xóa, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong sổ này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted.</p> <p>3. Trong trường hợp đánh mất sổ này, người có tên trên sổ phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan chức năng của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời.</p> <p>In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course.</p> <p style="text-align: center;">7</p>

<p>4. Số này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date.</p> <p>6. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu. The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request.</p> <p>6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tập theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn được cơ quan chức năng cho phép, tối đa là 30 ngày để hoàn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác. Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of</p>	<p>the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause.</p> <p>7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phản ứng kịp thời hoặc không chấm dứt sử dụng sổ này theo thời gian quy định), thì Chủ phương tiện/công ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn thiếu cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà. In case of any irregularity (e.g., breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities.</p> <p style="text-align: center;">SPECIMEN Số này gồm có 60 trang, không kể trang bìa This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover</p>
8	9

Hồ sơ hoạt động RECORD	
Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)
	
10	

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

9. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

9.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo mẫu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải, phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam và Lào**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI _____ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng...năm...

**GIẤY ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH
KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào do cấp
số: ngày cấp:
5. Đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam
và Lào như sau:
Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến
6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI _____ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên
-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/ hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/ hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/ hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/ hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước . . .	đồng/ hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:(địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TCĐBVN-VT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO

Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:.....

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Chấp thuậnđược khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

-

-

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

10. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Khi có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định cho Cục Đường bộ Việt Nam, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại thông báo khai thác tuyến, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác cho Cục Đường bộ Việt Nam.

- Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến sau khi đã niêm yết tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo ngừng khai thác tuyến theo quy định và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác.

10.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Thông báo bằng văn bản theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

10.9. Phí, lệ phí: Không có.

10.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Thông báo ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;
- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Thông báo ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam và Lào**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../CĐBVN-VT

Hà Nội, ngày... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Thông báo cho phép được bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện bổ sung/thay thế/ngừng:

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung (thay thế/ngừng): 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này đơn vị kinh doanh vận tải phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Cục Đường bộ Việt Nam đề nghị Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Bến xe ký hợp đồng khai thác với phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải theo danh sách đã được Cục Đường bộ Việt Nam thông báo ở trên.

Yêu cầu tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../CĐBVN-VT

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: (tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký)

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh (TP) (tỉnh đi).....).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh (TP)(tỉnh đến).....).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

11. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

11.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo mẫu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải, phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

11.8. Phí, lệ phí: Không có.

11.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam và Lào**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng...năm...

**GIẤY BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào do cấp
số: ngày cấp:

5. Bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
 HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên
-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/ hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/ hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/ hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/ hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước . . .	đồng/ hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:(địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../CĐBVN-VT

Hà Nội, ngày... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi:

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký bổ sung, thay thế, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Thông báo cho phép được bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện bổ sung/thay thế/ngừng:

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung (thay thế/ngừng): 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này đơn vị kinh doanh vận tải phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Cục Đường bộ Việt Nam đề nghị Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Bến xe ký hợp đồng khai thác với phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải theo danh sách đã được Cục Đường bộ Việt Nam thông báo ở trên.

Yêu cầu tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

12. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trước khi điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định cho Cục Đường bộ Việt Nam, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến.

12.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

- Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam và Lào**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

..., ngày ... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
5. Kể từ ngày//,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyên xe tăng/giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

**Văn bản Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành
khách cố định giữa Việt Nam và Lào**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../CĐBVN-VT

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định bằng ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho (đơn vị kinh doanh vận tải) tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng /giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

13. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không cấp, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

13.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia;
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia;
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
- 2. Địa chỉ:
- 3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
- 4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
- 5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô, vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

.....ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

.....ngày ... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
CAMPUCHIA**

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
 - a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.
 - Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
 - b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

2. Địa chỉ (Address):.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....
4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
Place,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

14. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

14.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu.

- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

14.8. Phí, lệ phí: Không có.**14.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia;
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô, vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

.....ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

.....ngày ... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
CAMPUCHIA**

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
 - a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.
 - Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
 - b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DIRECTORATE FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Place,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

15. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý tuyến thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

15.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia.

15.8. Phí, lệ phí: Không có.

15.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia;
- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và
Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../....

.....ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia cấp số: Ngày cấp:

5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:.....

Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):

Cự ly vận chuyên: km

Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cùng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và
Campuchia**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ

+ Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ

+....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
 - Điểm dừng thứ hai:
 - Điểm dừng thứ ba:
- b) Lướt về từ Bên xe: đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
 - Điểm dừng thứ hai:
 - Điểm dừng thứ ba:
- c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
 - Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
 - Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên
-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và
Campuchia**

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày ... thángnăm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Chấp thuậnđược khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu: ...

Thủ trưởng đơn vị*(Ký tên, đóng dấu)*

16. Ngừng khai thác tuyến, điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị ngừng khai thác tuyến, điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

*** Ngừng khai thác tuyến**

- Đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác trên tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia khi không có nhu cầu khai thác trên tuyến hoặc ngừng phương tiện phải thông báo bằng văn bản cho Cục Đường bộ Việt Nam, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại cho Cục Đường bộ Việt Nam thông báo khai thác tuyến, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác trên tuyến;

Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng hoạt động sau khi đã thông báo tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị, Cục Đường bộ Việt Nam ra văn bản thông báo ngừng khai thác tuyến và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác.

*** Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến**

- Trước khi điều chỉnh tần suất chạy trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Cục Đường bộ Việt Nam, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Cục Đường bộ Việt Nam ra văn bản thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến theo mẫu.

16.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

*** Ngừng khai thác tuyến**

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu;

- Thông báo khai thác tuyến;

- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác trên tuyến.

* Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến: Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
- Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

16.8. Phí, lệ phí: Không có.**16.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
- Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày//..... ,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số .../....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ
ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại/số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:
ngày cấp:
5. Kể từ ngày//.... ,(đơn vị kinh doanh vận tải).. sẽ
tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký đóng dấu)

Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số .../CĐBVN-VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký)...

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh (TP)(tỉnh đi)).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh (TP)(tỉnh đến).....).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam
(Ký đóng dấu)

Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số .../CĐBVN-VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho(đơn vị kinh doanh vận tải).... tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

17. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia đến Cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý tuyến thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

17.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

17.8. Phí, lệ phí: Không có.

17.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia;
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

.....ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia cấp số: Ngày cấp:

5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:.....

Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):

Cự ly vận chuyên: km

Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cùng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và
Campuchia**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tải (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ

+ Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ

+....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.

d) Tốc độ lý hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:
- b) Lướt về từ Bên xe: đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:
- c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam
và Campuchia**

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ
CAMPUCHIA**

Tuyến: đi và ngược lại

Giữa: Bến xe..... và Bến xe

Kính gửi:

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số Ngày ... thángnăm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe(tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe(tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

18. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam

18.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

+ Cục Đường bộ Việt Nam cấp: Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm (năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12);

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai cấp: Giấy phép vận tải loại A, B, C; Giấy phép vận tải loại F, G lần thứ hai trong năm.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính theo quy định;

Sau khi cấp giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo danh sách phương tiện vận tải đã được cấp giấy phép đến Sở Giao thông vận tải.

18.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A, E; Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu trong năm:

- Đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở

hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Đối với xe công vụ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô;

+ Bản sao thư mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền.

* Trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (xuất trình);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

18.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

18.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G.

18.8. Phí, lệ phí: Không có.

18.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép

- Giấy phép vận tải loại A, B, C, D E, F, G.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải loại A

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm màu hồng.

VN	Năm	年	CHN
Số (编号):			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM			
种行车许可证 用于两国边境地区定期运输车辆，当年多次往返有效。			
1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址			
2. Biển số xe 汽车牌照号			
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限		Từ 自	Đến 至
4. Tuyến vận tải (từ bến đi đến bến đến) 运输线路 (从始发站至到达站)		Đến 至	
Bến xe đi 始发站		Bến xe đến 到达站	
5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程及沿途停靠站点			
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 04. Giấy phép vận tải loại B

Khô giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ B in chìm màu lam nhạt.

VN	Năm	年	CHN	
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		Số (编号):		
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA		
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章		GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI B		
ĐỊNH KỲ VÀ XE CÔNG VỤ 定期和公务用车 TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC 在两国家边境地区的不定期旅客运输和公务用车 CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM B 种行车许可证 用于两国边境地区的不定期旅客运输和公务用车 一年往返 1 次有效				
1. Tên đơn vị nghiệp vụ vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运者或公务用车所属单位名称				
2. Biển số xe 汽车牌照				
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限			đến 至.....	
4. Số hành khách 旅客人数				
5. Tuyến vận chuyển 运输线路			Từ 自.....	
6. Hành trình vận tải định nghỉ trên đường 行车路线及中途休息站				
7. Mục đích của chuyến đi 此行目的	<input type="checkbox"/> Thương mại <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> 贸易 <input type="checkbox"/> 公务			
8. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关	Ngày cấp phép / Cơ quan quản lý vận tải 签发日期 / 口岸管理机构 Đóng dấu / Ký đóng dấu 盖章 / 签字			
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境		Nhập cảnh 入境	
11. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境		Xuất cảnh 出境	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 05. Giấy phép vận tải loại C

Khô giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN	Năm: 年	CHN
Số 编号:		
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C
 CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA
 TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
 CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

C 种行车许可证

用于两国边境地区的货物运输车辆，当年1次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ đến	自 至
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ đến	自 至
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点		
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 06. Giấy phép vận tải loại D

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ D in chìm màu vàng đậm.

VN	Năm: _____	年	CHN
Số (编号)			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
CẤP CHỖ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM
VÀ HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG GIỮA HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

D 种行车许可证
 用于两国间危险货物运输和超限货物运输车辆
 当年1次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trọng tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Loại hàng hoá 货物种类			
4. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
5. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站			
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu. 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 07. Giấy phép vận tải loại E

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ E in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: 年	CHN
Số (编号):		
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI E CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH (BAO GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH) ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VẠO SAU TRONG LÃNH THỔ VIỆT NAM CO HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM E 种行车许可证 用于两国超出边境地区的定期旅客(含游客)运输车辆 有效期内当年多次往返有效		
1. Tên doanh nghiệp vận tải / 承运企业名称		
Địa chỉ / 地址		
Điện thoại/ Người liên hệ / 电话/联系人		
2. Phương tiện vận tải / 运输车辆		
Biển số xe / 车牌号码	Số ghế / 座位数	
Số khung / 车架号码	Số máy / 发动机号码	
Màu sơn / 颜色	Nhãn hiệu / 品牌	
3. Tuyến vận chuyển / 运输线路		
Bến xe đi / 始发站	Bến xe đến / 抵达站	
4. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ / 行车路线及沿途停靠站点		
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép / 许可证有效期		Từ Đến 自 至
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu / 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu / 口岸运输管理机构签章、签证日期

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 08. Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ F in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: 年	CHN	
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		Số 编号: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐOÀN CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ (GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH) VÀ CÔNG VỤ HỮU ĐỒNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SAU TRONG LÃNH THỔ CỦA HAI NƯỚC F 种行车许可证 用于两国边境地区的不定期旅客(含游客)运输和公务车辆, 当年1次往返有效。			
1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运企业或公务车辆			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输工具			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
4. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠			
5. Mục đích của chuyến đi 此行目的		<input type="checkbox"/> Thương mại <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> 贸易 <input type="checkbox"/> 公务	
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 09. Giấy phép vận tải loại G

Khô giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ G in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: _____ 年	CHN	
Số (编号): _____			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG QUỐC TẾ CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC TẾ CÓ HỖI CẢ ĐI VÀ VỀ TRONG CẢ HAI QUỐC GIA G 种行车许可证 用于两国超出边境地区的货物运输车辆 当年1次往返有效			
1. Tên Doanh nghiệp vận tải / 承运企业名称 Địa chỉ / 地址 Điện thoại/ Người liên hệ / 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải / 运输车辆 Biển số xe / 车牌号码 Số khung / 车架号码 Màu sơn / 颜色 Trọng tải / 载重量 Số máy / 发动机号码 Nhân hiệu / 品牌			
3. Tuyến vận chuyển / 运输线路: Từ Đến			
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng / 行车路线及装卸货地点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép / 许可证有效期: Từ Đến			
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu / 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu / 口岸运输管理机构签章、签证日期	
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu / 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh / 出境	Nhập cảnh / 入境
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu / 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh / 入境	Xuất cảnh / 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

19. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam

19.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

+ Cục Đường bộ Việt Nam cấp: Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm (năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12);

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai cấp: Giấy phép vận tải loại A, B, C; Giấy phép vận tải loại F, G lần thứ hai trong năm.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

19.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Đối với xe công vụ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô;

+ Bản sao thư mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

19.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

19.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

19.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G.

19.8. Phí, lệ phí: Không có.

19.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép.

- Giấy phép vận tải loại A, B, C, D E, F, G.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

19.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
Trung Quốc (đối với xe công vụ)**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
TRUNG QUỐC**

Kính gửi:

1. Tên cơ quan, đơn vị:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax/Địa chỉ email:
4. Mục đích xin cấp phép cho phương tiện:
5. Đơn vị xin cấp phép cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải loại A

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm màu hồng.

VN	Năm 年	CHN																					
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	Số (编号):	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章																					
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM 种行车许可证 用于两国边境地区定期运输车辆，当年多次往返有效。																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 60%;">1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td>2. Biển số xe 汽车牌照号</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td>3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限</td> <td>Từ 自</td> <td>Đến 至</td> </tr> <tr> <td>4. Tuyến vận tải 运输线路</td> <td colspan="2">Đến 至</td> </tr> <tr> <td>Bến xe đi 始发站</td> <td colspan="2">Bến xe đến 到达站</td> </tr> <tr> <td>5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程及停靠站点</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td>6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章</td> <td colspan="2">7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期</td> </tr> </table>			1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址			2. Biển số xe 汽车牌照号			3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ 自	Đến 至	4. Tuyến vận tải 运输线路	Đến 至		Bến xe đi 始发站	Bến xe đến 到达站		5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程及停靠站点			6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址																							
2. Biển số xe 汽车牌照号																							
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ 自	Đến 至																					
4. Tuyến vận tải 运输线路	Đến 至																						
Bến xe đi 始发站	Bến xe đến 到达站																						
5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程及停靠站点																							
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期																						

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 04. Giấy phép vận tải loại B

Khô giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ B in chìm màu lam nhạt.

VN	Năm	年	CHN	
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		Số (编号):		
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA		
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章		GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI B		
用于两国边境地区的不定期旅客运输和公务用车 往返 1 次有效 B 种行车许可证				
1. Tên đơn vị nghiệp vụ vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运者或公务用车所属单位名称				
2. Biển số xe 汽车牌照				
3. Thời hạn có hiệu lực 许可证有效期限			đến 至.....	
4. Số hành khách 旅客人数				
5. Tuyến vận chuyển 运输线路			Từ 自.....	
6. Hành trình vận hành dừng nghỉ trên đường 行车路线及停靠站点				
7. Mục đích của chuyến đi 此行目的	<input type="checkbox"/> Thương mại <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> 贸易 <input type="checkbox"/> 公务			
8. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关	Ngày cấp phép / Cơ quan quản lý vận tải 许可日期 / 许可机关 Ký / Đóng dấu 签署 / 盖章			
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境		Nhập cảnh 入境	
11. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境		Xuất cảnh 出境	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 05. Giấy phép vận tải loại C

Khô giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN	Năm: 年	CHN	
Số 编号:			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章		
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM			
C 种行车许可证 用于两国边境地区的货物运输车辆，当年1次往返有效。			

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ đến	自 至
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ đến	自 至
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点		
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 06. Giấy phép vận tải loại D

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ D in chìm màu vàng đậm.

VN	Năm: _____	年	CHN
Số (编号)			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
CẤP CHỖ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM
VÀ HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG GIỮA HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

D 种行车许可证
 用于两国间危险货物运输和超限货物运输车辆
 当年1次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trọng tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Loại hàng hoá 货物种类			
4. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
5. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站			
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu. 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 08. Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ F in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: 年	CHN	
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		Số 编号: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	
GIẤY PHÉP VẬN TẢI QUỐC TẾ CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ (GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH) VÀ CÔNG VỤ HỮU HIỆU TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SAU TRONG LÃNH THỔ CỦA HAI NƯỚC F 种行车许可证 用于两国间不定期旅客(含游客)运输和公务车辆, 当年1次往返有效。			
1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运企业或公务车辆			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输工具			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
4. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠			
5. Mục đích của chuyến đi 此行目的		<input type="checkbox"/> Thương mại <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> 贸易 <input type="checkbox"/> 公务	
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 09. Giấy phép vận tải loại G

Khô giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ G in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN	Năm: _____ 年	CHN																																																					
Số (编号): _____																																																							
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章																																																					
GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG QUỐC TẾ CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC TẾ CÓ HỖI CẢM ỨNG ĐI VÀ VỀ TRONG CẢ HAI QUỐC GIA G 种行车许可证 用于两国超出边境地区的货物运输车辆 当年1次往返有效																																																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="2">1. Tên Doanh nghiệp vận tải / 承运企业名称</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td colspan="2">Địa chỉ / 地址</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td colspan="2">Điện thoại/ Người liên hệ / 电话/联系人</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td colspan="4">2. Phương tiện vận tải / 运输车辆</td> </tr> <tr> <td>Biển số xe / 车牌号码</td> <td></td> <td>Trọng tải / 载重量</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số khung / 车架号码</td> <td></td> <td>Số máy / 发动机号码</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Màu sơn / 颜色</td> <td></td> <td>Nhãn hiệu / 品牌</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="2">3. Tuyến vận chuyển / 运输线路:</td> <td colspan="2">Từ Đến</td> </tr> <tr> <td colspan="4">4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng / 行车路线及装卸货地点</td> </tr> <tr> <td colspan="2">5. Thời gian hiệu lực của giấy phép / 许可证有效期</td> <td colspan="2">Từ Đến</td> </tr> <tr> <td colspan="2">6. Cơ quan cấp phép đóng dấu / 发证机关盖章</td> <td colspan="2">7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu / 口岸运输管理机构签章、签证日期</td> </tr> <tr> <td colspan="2">8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu / 中方口岸运输管理机构查验签章</td> <td>Xuất cảnh / 出境</td> <td>Nhập cảnh / 入境</td> </tr> <tr> <td colspan="2">9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu / 越方口岸运输管理机构查验签章</td> <td>Nhập cảnh / 入境</td> <td>Xuất cảnh / 出境</td> </tr> </table>				1. Tên Doanh nghiệp vận tải / 承运企业名称				Địa chỉ / 地址				Điện thoại/ Người liên hệ / 电话/联系人				2. Phương tiện vận tải / 运输车辆				Biển số xe / 车牌号码		Trọng tải / 载重量		Số khung / 车架号码		Số máy / 发动机号码		Màu sơn / 颜色		Nhãn hiệu / 品牌		3. Tuyến vận chuyển / 运输线路:		Từ Đến		4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng / 行车路线及装卸货地点				5. Thời gian hiệu lực của giấy phép / 许可证有效期		Từ Đến		6. Cơ quan cấp phép đóng dấu / 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu / 口岸运输管理机构签章、签证日期		8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu / 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh / 出境	Nhập cảnh / 入境	9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu / 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh / 入境	Xuất cảnh / 出境
1. Tên Doanh nghiệp vận tải / 承运企业名称																																																							
Địa chỉ / 地址																																																							
Điện thoại/ Người liên hệ / 电话/联系人																																																							
2. Phương tiện vận tải / 运输车辆																																																							
Biển số xe / 车牌号码		Trọng tải / 载重量																																																					
Số khung / 车架号码		Số máy / 发动机号码																																																					
Màu sơn / 颜色		Nhãn hiệu / 品牌																																																					
3. Tuyến vận chuyển / 运输线路:		Từ Đến																																																					
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng / 行车路线及装卸货地点																																																							
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép / 许可证有效期		Từ Đến																																																					
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu / 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu / 口岸运输管理机构签章、签证日期																																																					
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu / 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh / 出境	Nhập cảnh / 入境																																																				
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu / 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh / 入境	Xuất cảnh / 出境																																																				

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写，必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

20. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

20.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:
- + Cục Đường bộ Việt Nam thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước;
- + Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trường hợp không cấp, cơ quan quản lý tuyến thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý tuyến hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

20.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

20.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**20.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

20.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

20.8. Phí, lệ phí: Không có.**20.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**20.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên
-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên
-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bên bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bên xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web)

Xác nhận của Sở GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

**CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày... tháng ... năm...

**THÔNG BÁO
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Tuyến: đi và ngược lại
Giữa Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Cục ĐBVN/Sở GTVT nhận được công văn số /..... ngày của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Cục ĐBVN/Sở GTVT thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe

Bến đến: Bến xe

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bến xe cho phương tiện đã được Cục ĐBVN/Sở GTVT..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

-
-

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

21. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

21.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

+ Cục Đường bộ Việt Nam thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước;

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến có văn bản thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trường hợp không cấp, cơ quan quản lý tuyến thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý tuyến hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

21.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

21.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

21.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

21.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

21.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

21.8. Phí, lệ phí: Không có.

21.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

21.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyên: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút

3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật

của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất
- Điểm dừng thứ hai
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bên bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bên xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web)

Xác nhận của Sở GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

**CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày... tháng ... năm...

**THÔNG BÁO
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Tuyến: đi và ngược lại
Giữa Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Cục ĐBVN/Sở GTVT nhận được công văn số/..... ngày của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Cục ĐBVN/Sở GTVT thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe

Bến đến: Bến xe

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bến xe cho phương tiện đã được Cục ĐBVN/Sở GTVT..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

-
-

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

22. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

22.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các phương tiện sau:

+ Phương tiện thương mại;

+ Phương tiện phi thương mại của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc bộ, các cơ quan ngoại giao, các tổ chức chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.

- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

22.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia).

* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;

- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

22.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

22.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

22.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

22.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

22.8. Phí, lệ phí: Không có.

22.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

22.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia cấp số Ngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:
- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
- c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Campuchia)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

.....

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số Ngày


.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p>  <p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</p> <p style="text-align: center;">VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p>	<p style="text-align: center;">Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p style="text-align: center;">The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p style="text-align: center;">Mặt sau bìa trước/Back side</p>
<p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Ministry of Transport of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</p> <p style="text-align: center;">VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số Giấy phép (Permit Number): Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng (Non transferable and non negotiable)</p> <p style="text-align: center;">Xe kinh doanh vận tải Commercial Vehicle</p> <p style="text-align: center;">Trang 1 Page 1</p>	<p style="text-align: center;">Số đăng ký phương tiện (Registration number)</p> <p style="text-align: center;">Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign) VN</p> <p style="text-align: center;">Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải Details of Transport Operator</p> <p>Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):</p> <p>Địa chỉ (Address):</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No.):</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date):</p> <p style="text-align: center;">Trang 2 Page 2</p>
<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Giấy phép này có giá trị This Permit is valid</p> <p>Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy) Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>Nơi đến (Destination):</p> <p>Ngày cấp (Date of issuance):</p>	<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Giấy phép này được gia hạn This Permit is extended</p> <p>Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>Nơi đến (Destination):</p> <p>Ngày cấp (Date of issuance):</p>

Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 3			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 4			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):....			

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):....			

Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
---	---	---	---

Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
--	---	---	---

Hướng dẫn (Instruction)

- Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải
Green cover used for truck
Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt
Yellow cover used for bus
Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
Pink cover used for non-commercial vehicle

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles
to operate conveniently and to render the
vehicle any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....
2. Thông số kỹ thuật (Specifications)
.....
- Năm sản xuất (Manufacture year):
.....
- Nhân hiệu (Brand/Trademark):
.....
- Loại xe (Model):
.....
- Màu sơn (Colour):
.....
- Số máy (Engine No.):
.....
- Số khung (Chassis No.):
.....
- Trọng tải (Gross weight):
.....

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
 Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet
 Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for
 Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị tối đa 30 ngày

This book is valid for 30 days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
 Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issue):

Cơ quan cấp phép

Issuing Authority

(Signature, stamp)

Trang 3

Page 3

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Trang tiếp theo

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:	
PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA	
STICKER	
VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:	Cơ quan cấp/Issuing authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)
Số đăng ký/Registration Number:	
Thời hạn/Period of Validity: từ/from.....đến/until.....	
Cửa khẩu vào/Entry point:	
Cửa khẩu ra/Exit point:	
Tuyến đường/Route:	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

23. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

23.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các phương tiện sau:

+ Phương tiện thương mại;

+ Phương tiện phi thương mại của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc bộ, các cơ quan ngoại giao, các tổ chức chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.

- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

23.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

23.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia).

* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.

* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

23.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

23.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.**23.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

23.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

23.8. Phí, lệ phí: Không có.**23.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**23.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho
phương tiện thương mại**
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÀI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia cấp số Ngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:
- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
- c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Campuchia)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số Ngày

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) cấp số:..... ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tô chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to operate
conveniently and to render the vehicle any assistance as
necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE
CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):
Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng
(Non transferable and non negotiable)

Xe kinh doanh vận tải
Commercial Vehicle

Trang 1
Page 1

Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign)
VN

Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator

Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
.....

Địa chỉ (Address):

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport
Permit No.):

Ngày phát hành (Issuing date):

Trang 2
Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị
This Permit is valid

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)
Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)
Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination
Cửa khẩu (Border gate):

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Date of issuance):

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này được gia hạn
This Permit is extended

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)
Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination
Cửa khẩu (Border gate):

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 3			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 4			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):....			

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):....			

Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
---	---	---	---

Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
--	---	---	---

Hướng dẫn (Instruction)

- Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải
Green cover used for truck
Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt
Yellow cover used for bus
Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
Pink cover used for non-commercial vehicle

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles
to operate conveniently and to render the
vehicle any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....
2. Thông số kỹ thuật (Specifications)
.....
- Năm sản xuất (Manufacture year):
.....
- Nhân hiệu (Brand/Trademark):
.....
- Loại xe (Model):
.....
- Màu sơn (Colour):
.....
- Số máy (Engine No.):
.....
- Số khung (Chassis No.):
.....
- Trọng tải (Gross weight):
.....

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
 Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet
 Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for
 Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị tối đa 30 ngày

This book is valid for 30 days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến

Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issue):

Cơ quan cấp phép

Issuing Authority

(Signature, stamp)

Trang 3

Page 3

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Trang tiếp theo

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:	
PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA STICKER VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:	Cơ quan cấp/Issuing authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)
Số đăng ký/Registration Number:	
Thời hạn/Period of Validity: từ/from.....đến/until.....	
Cửa khẩu vào/Entry point:	
Cửa khẩu ra/Exit point:	
Tuyến đường/Route:	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

24. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

24.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các loại phương tiện:
 - + Phương tiện thương mại gồm xe vận chuyển hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa;
 - + Phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp tại Cục Đường bộ Việt Nam.
- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

24.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

24.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
- Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

24.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

24.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

24.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

24.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận, Phù hiệu giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

24.8. Phí, lệ phí: Không có.

24.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

24.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho
phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO
PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
 c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km



Hành trình tuyến đường:.....

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)



Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI COMMERCIAL VEHICLE</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Date of issuance): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p>Page 1</p>	<p>Chi tiết về Đơn vị vận tải Details of Transport Operator/Organization</p> <p>1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications): - Năm sản xuất:..... (Manufacture year) - Nhân hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... <input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):.....</p> <p>Page 2</p>

GHI CHÚ NOTICES				GIA HẠN EXTENTION			
Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes				Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)			
Cửa khẩu (Border gate):							
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):				Gia hạn đến.....			
Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/cố định Cargo transport/passenger transport, non – scheduled/scheduled				Extended until.....(dd/mm/yyyy)			
Ghi chú khác (Others):.....				Ngày cấp.....			
Page 3				Issuing date.....			
Page 3				Cơ quan cấp (Issuing Authority) Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp)			
Page 3				Page 4			
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Page 5				Next Pages			
Hướng dẫn (Instruction) 1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu				Ghi chú (notices) Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.			

<p>cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>	<p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>
---	--

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CÂMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE Mặt bìa trước/ Cover</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau/Back side</p>
 <p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CÂMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT)</p> <p>Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Issuing date): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p>Page 1</p>	<p>Chi tiết về tổ chức/cá nhân Details of Organization/Individual</p> <p>1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number): 2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): 2. Thông số kỹ thuật (Specifications):..... - Năm sản xuất (Manufacture year):..... - Nhân hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... <input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):.....</p> <p>Page 2</p>

<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Các ghi chú khác (other notices):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Page 3</p>	<p style="text-align: center;">GIA HẠN EXTENTION</p> <p style="text-align: center;">Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)</p> <p>Gia hạn đến.....</p> <p>Extended until.....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày cấp</p> <p>.....</p> <p>Issuing date.....</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p style="text-align: center;">Page 4</p>		
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)	BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Page 5			

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)	BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Next Pages			

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
<p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>	<p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

Số (Number):.....	
<p>PHÙ HIỆU</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</p> <p>STICKER</p> <p>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</p>	
Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)	Cơ quan cấp phép/Issuing Authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)
Số đăng ký (Registration Number):	
Thời hạn (Period of validity): từ (from).....Đến (until).....	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

25. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

25.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp lại giấy phép cho các loại phương tiện:
 - + Phương tiện thương mại gồm xe vận chuyển hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa;
 - + Phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp tại Cục Đường bộ Việt Nam.
- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp lại giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

25.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

25.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.

* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

25.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

25.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

25.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

25.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

25.8. Phí, lệ phí: Không có.

25.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

25.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km



Hành trình tuyến đường:.....

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)



Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI COMMERCIAL VEHICLE</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Date of issuance): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p>Page 1</p>	<p>Chi tiết về Đơn vị vận tải Details of Transport Operator/Organization</p> <p>1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications): - Năm sản xuất:..... (Manufacture year) - Nhân hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... <input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):.....</p> <p>Page 2</p>

GHI CHÚ NOTICES				GIA HẠN EXTENTION			
Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes				Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)			
Cửa khẩu (Border gate):							
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):				Gia hạn đến.....			
Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/cố định Cargo transport/passenger transport, non – scheduled/scheduled				Extended until.....(dd/mm/yyyy)			
Ghi chú khác (Others):				Ngày cấp			
Page 3				Page 4			
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Page 5				Next Pages			
Hướng dẫn (Instruction) 1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu				Ghi chú (notices) Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.			

<p>cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>	<p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>
---	--

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CÂMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE Mặt bìa trước/ Cover</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau/Back side</p>
 <p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CÂMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT)</p> <p>Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Issuing date): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p>Page 1</p>	<p>Chi tiết về tổ chức/cá nhân Details of Organization/Individual</p> <p>1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number): 2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): 2. Thông số kỹ thuật (Specifications):..... - Năm sản xuất (Manufacture year):..... - Nhân hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... <input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):.....</p> <p>Page 2</p>

<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Các ghi chú khác (other notices):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Page 3</p>	<p style="text-align: center;">GIA HẠN EXTENTION</p> <p style="text-align: center;">Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)</p> <p>Gia hạn đến.....</p> <p>Extended until.....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày cấp</p> <p>.....</p> <p>Issuing date.....</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p style="text-align: center;">Page 4</p>		
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)	BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Page 5			

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)	BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Next Pages			

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
<p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>	<p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

Số (Number):.....	
PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA STICKER VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)	Cơ quan cấp phép/Issuing Authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)
Số đăng ký (Registration Number):	
Thời hạn (Period of validity): từ (from).....Đến (until).....	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

26. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

26.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lập hồ sơ gửi đến cơ sở đào tạo lái xe.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, bảo đảm các điều kiện đối với người tham dự tập huấn theo quy định và tổ chức tập huấn theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn, cơ sở đào tạo có văn bản theo mẫu quy định và hồ sơ của cá nhân tham dự tập huấn gửi Sở Giao thông vận tải đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bằng một trong các hình thức: Trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận danh sách do cơ sở đào tạo lập và hồ sơ cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, trong thời hạn 02 ngày làm việc phải có văn bản nêu rõ nội dung, lý do đề nghị cơ sở đào tạo lái xe bổ sung đầy đủ, chính xác; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản cho cơ sở đào tạo và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và trả trực tiếp cho cá nhân hoặc gửi qua đường bưu chính, vào sổ theo dõi. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân.

26.2. Cách thức thực hiện: gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.

26.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cá nhân

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Trường hợp Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

- Cơ sở đào tạo:

+ Văn bản theo mẫu quy định;

+ Hồ sơ cá nhân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

26.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.

26.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, Cá nhân.

26.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

26.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

26.8. Phí, lệ phí: Không có.

26.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

26.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

26.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY
THỰC HÀNH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Số định danh điện tử:

Có giấy phép lái xe số: hạng do:

cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
Ảnh màu 3 cm x 4cm (chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai	<i>Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 20... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</i>
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG NHẬN	
Ông (Bà):	
Ngày tháng năm sinh:	
Số định danh điện tử:	
Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe hạng	
Từ ngày...../...../..... đến ngày/...../.....	
Số GCN : , ngày.....tháng.....năm 20.....	
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;
- Chữ “CHỨNG NHẬN”: phông chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ 21.

27. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

27.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.
- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng hoặc có sự thay đổi về nội dung

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và vào sổ theo dõi.

27.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính, hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến.

27.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp bị mất, bị hỏng:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

* Trường hợp có sự thay đổi về nội dung:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:

+ Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên;

+ Thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân.

Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

27.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

27.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

27.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

27.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

27.8. Phí, lệ phí: Không có.

27.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

27.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

27.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Số định danh điện tử:

Có giấy phép lái xe số: hạng do:

cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
Ảnh màu 3 cm x 4cm (chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai	<i>Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 20... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</i>
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG NHẬN	
Ông (Bà):	
Ngày tháng năm sinh:	
Số định danh điện tử:	
Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe hạng	
Từ ngày...../...../..... đến ngày/...../.....	
Số GCN : , ngày.....tháng.....năm 20.....	
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;
- Chữ “CHỨNG NHẬN”: phông chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ 21.

28. Cấp Giấy phép xe tập lái

28.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp Giấy phép xe tập lái cho tổ chức đề nghị cấp phép tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp cấp Giấy phép xe tập lái điện tử (có mã hai chiều (QR)) được kết nối với trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải để truy xuất thông tin về xe ô tô, tuyến đường tập lái và hiệu lực lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Sở Giao thông vận tải phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn thi hành và cấp Giấy phép xe tập lái điện tử trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

28.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính.

28.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;
- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

28.4. Thời hạn giải quyết:

- 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.

28.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

28.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

28.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép xe tập lái.

28.8. Phí, lệ phí: Không có.

28.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái;
- Giấy phép xe tập lái.

28.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

28.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)*(Ký tên, đóng dấu)*

CÁC MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP GIẤY PHÉP TẬP LÁI

Mẫu số 01. Mẫu giấy phép xe tập lái

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước

UBND TỈNH SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI Mã số:/.....	
Cấp cho xe số: Loại phương tiện:	
Nhãn hiệu xe: Màu sơn:	
Cơ sở đào tạo:	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị: Từ ngày/...../.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.... THỦ TRƯỞNG (Ký tên, đóng dấu)
Đến ngày/...../.....	
<i>(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)</i>	

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

Mẫu số 02. Mẫu giấy phép xe tập lái điện tử

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI	
Mã số:/.....	
Cấp cho xe số: Loại phương tiện:	
Nhãn hiệu xe: Màu sơn:	
Cơ sở đào tạo:	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị:	<i>Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20....</i>
Từ ngày/...../.....	THỦ TRƯỞNG
Đến ngày/...../.....	<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
<i>(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)</i>	

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

MÃ QR

29. Cấp lại Giấy phép xe tập lái

29.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp cấp Giấy phép xe tập lái điện tử (có mã hai chiều (QR)) được kết nối với trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải để truy xuất thông tin về xe ô tô, tuyến đường tập lái và hiệu lực lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Sở Giao thông vận tải phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn thi hành và cấp Giấy phép xe tập lái điện tử trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

29.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến.

29.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

29.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

29.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

29.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

29.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép xe tập lái.

29.8. Phí, lệ phí: Không có.

29.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái;
- Giấy phép xe tập lái.

29.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

29.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

CÁC MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP GIẤY PHÉP TẬP LÁI

Mẫu số 01. Mẫu giấy phép xe tập lái

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước

UBND TỈNH SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI Mã số:/.....	
Cấp cho xe số: Loại phương tiện:	
Nhãn hiệu xe: Màu sơn:	
Cơ sở đào tạo:	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị: Từ ngày/...../.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.... THỦ TRƯỞNG (Ký tên, đóng dấu)
Đến ngày/...../.....	
<i>(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)</i>	

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

Mẫu số 02. Mẫu giấy phép xe tập lái điện tử

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI	
Mã số:/.....	
Cấp cho xe số: Loại phương tiện:	
Nhãn hiệu xe: Màu sơn:	
Cơ sở đào tạo:	
Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)	
Có giá trị:	<i>Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20....</i>
Từ ngày/...../.....	THỦ TRƯỞNG
Đến ngày/...../.....	<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
<i>(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)</i>	

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

MÃ QR

30. Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

30.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tại địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản và cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

30.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

30.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;

- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).

Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

30.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

30.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

30.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

30.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

30.8. Phí, lệ phí: Không có.

30.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe;

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

30.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

30.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày / / của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày / / của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại, thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định đề báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sur phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm 20...

GIẤY PHÉP
ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số//ND-CP ngày.....//..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định sốngày..../..../.... của cơ quan có thẩm quyền về việc

Theo đề nghị của

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:

2. Địa chỉ:

- Điện thoại

- Fax:

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:

- Lưu lượng:

5. Địa điểm đào tạo:

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

31. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

31.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phối hợp cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

31.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

31.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ (*chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất*)

- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).

Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

31.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

31.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

31.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

31.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

31.8. Phí, lệ phí: Không có.

31.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe;

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

31.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

31.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày / / của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày / / của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại, thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định đề báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sur phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm 20...

GIẤY PHÉP
ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số//ND-CP ngày.....//..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định sốngày..../..../.... của cơ quan có thẩm quyền về việc

Theo đề nghị của

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:

2. Địa chỉ:

- Điện thoại

- Fax:

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:

- Lưu lượng:

5. Địa điểm đào tạo:

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

32. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác

32.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

32.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

32.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

32.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

32.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

32.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

32.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

32.8. Phí, lệ phí: Không có.

32.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

32.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

32.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm 20...

GIẤY PHÉP
ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số//ND-CP ngày.....//..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định sốngày...../...../..... của cơ quan có thẩm quyền về việc

Theo đề nghị của

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:

2. Địa chỉ:

- Điện thoại

- Fax:

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:

- Lưu lượng:

5. Địa điểm đào tạo:

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

33. Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2

33.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân; trường hợp không chấp thuận phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

33.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

33.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị;

- Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

- Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

33.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

33.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

33.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

33.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận.

33.8. Phí, lệ phí: Không có.

33.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:
Không có.

33.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

33.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

34. Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động

34.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản và cấp Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

34.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

34.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

34.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

34.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

34.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

34.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

34.8. Phí, lệ phí: Không có.

34.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

34.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

34.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số//ND-CP/...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số/...../TT-BGTVT ngày /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe của Đoàn kiểm tra ngày / /

Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe tại văn bản số ngày .../ .../ ... về việc kiểm tra, xác nhận trung tâm sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Trưởng phòng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...

1. Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

2. Cơ quan quản lý hoạt động trực tiếp:

3. Trung tâm sát hạch lái xe là trung tâm sát hạch loại ... , sử dụng thiết bị sát hạch của, có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng:, được sử dụng xe sát hạch (có danh sách xe sát hạch kèm theo).

Trung tâm sát hạch lái xe phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số của cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Trung tâm (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận)/.

35. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

35.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản và cấp Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

35.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

35.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

35.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

35.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

35.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

35.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

35.8. Phí, lệ phí: Không có.**35.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

35.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**35.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số//ND-CP/...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số/...../TT-BGTVT ngày /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe của Đoàn kiểm tra ngày / /

Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe tại văn bản số ngày .../ .../ ... về việc kiểm tra, xác nhận trung tâm sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Trưởng phòng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...

1. Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

2. Cơ quan quản lý hoạt động trực tiếp:

3. Trung tâm sát hạch lái xe là trung tâm sát hạch loại ... , sử dụng thiết bị sát hạch của, có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng:, được sử dụng xe sát hạch (có danh sách xe sát hạch kèm theo).

Trung tâm sát hạch lái xe phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số của cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Trung tâm (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận)/.

36. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

36.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

36.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác.

36.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

- Bản sao văn bản, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

- Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

36.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

36.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

36.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

36.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

36.8. Phí, lệ phí: Không có.

36.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

36.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

36.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

 - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ Số:..... Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)	
<ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô: -..... -..... -..... 	
, ngày....tháng...năm... Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in
phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

37. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng

37.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

37.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác.

37.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;

- Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải) bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- Bản sao văn bản, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
- Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử);
- Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.

* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với hộ kinh doanh vận tải) gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

37.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

37.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

37.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

37.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

37.8. Phí, lệ phí: Không có.

37.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

37.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

37.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

 - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ Số:..... Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)	
<ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô: -..... -..... -..... 	
, ngày....tháng...năm... Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in
phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

38. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng

38.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

38.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác.

38.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

38.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

38.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

38.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

38.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

38.8. Phí, lệ phí: Không có.

38.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

38.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

38.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

 - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ Số:..... Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng...năm.....nơi cấp.....)	
<ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô: -..... -..... -..... 	
, ngày....tháng...năm... Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in
phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

39. Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)

39.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị;

- Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỀN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

39.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác.

39.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

39.4. Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

39.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

39.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

39.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Phù hiệu.

39.8. Phí, lệ phí: Không có.

39.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu
- Phù hiệu.

39.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

39.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----Số:/.....
....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch

PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE BUÝT”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE TAXI”

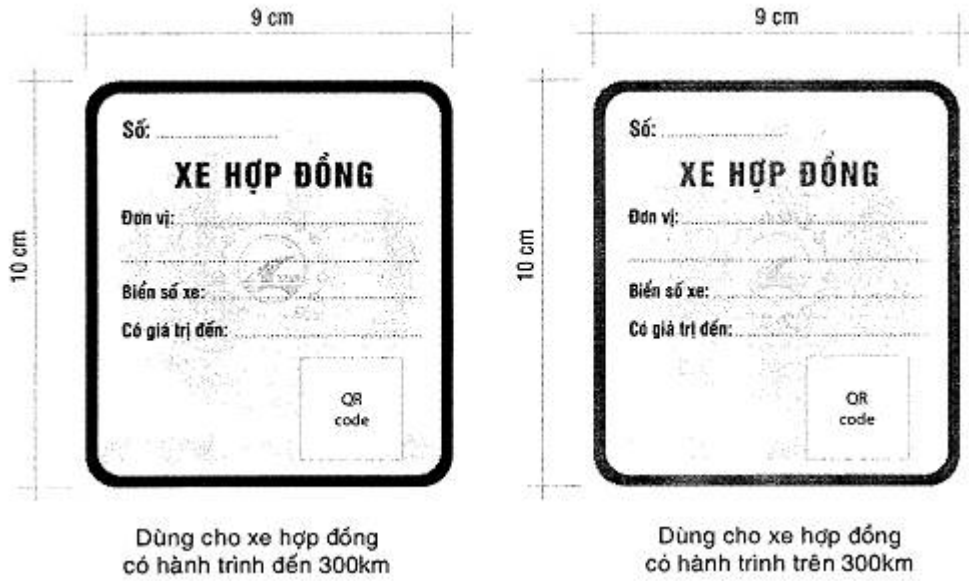
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

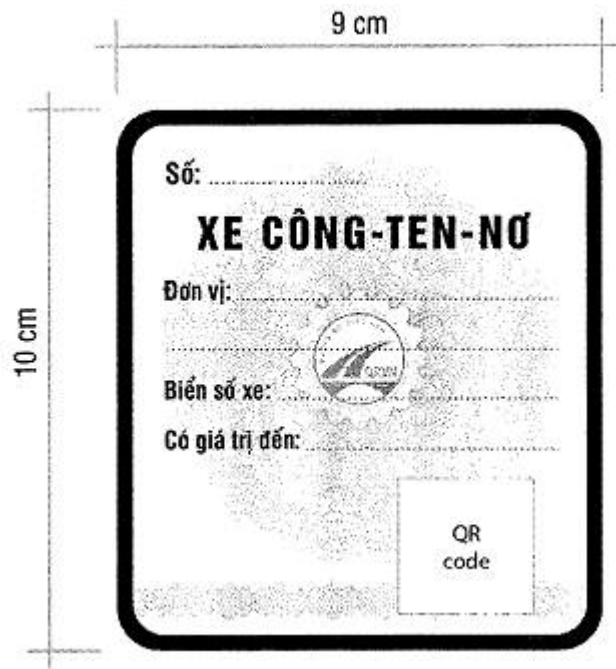
PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CÔNG-TEN-NO”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CÔNG-TEN-NO” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CÔNG-TEN-NO”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE CÔNG-TEN-NO”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE ĐẦU KÉO” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE ĐẦU KÉO”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE ĐẦU KÉO”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

40. Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)

40.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị;

- Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỀN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

40.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác.

40.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

40.4. Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

40.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

40.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

40.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Phù hiệu.

40.8. Phí, lệ phí: Không có.

40.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu.

40.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

40.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----Số:/.....
....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch

PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE BUÝT”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE TAXI”

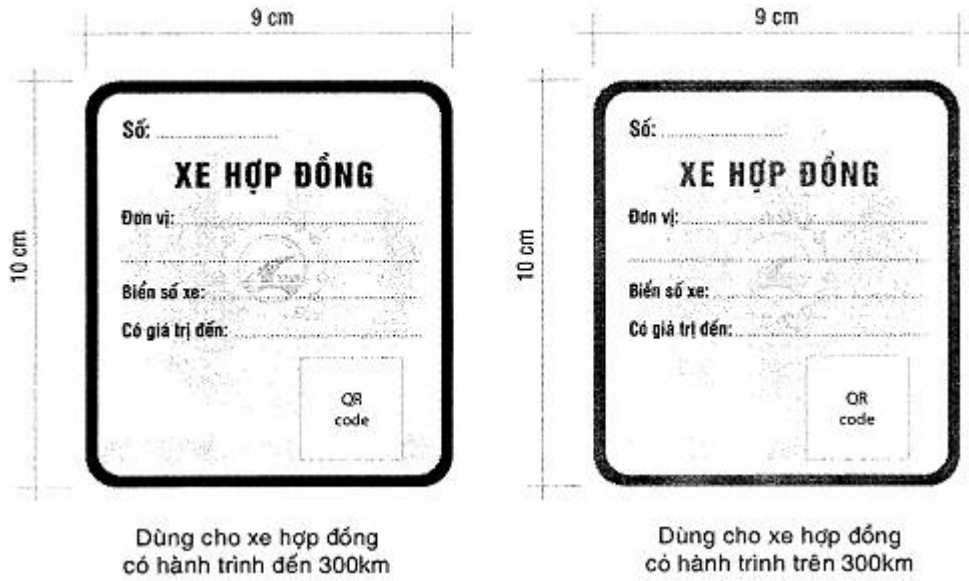
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CÔNG-TEN-NƠ”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE ĐẦU KÉO” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE ĐẦU KÉO”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE ĐẦU KÉO”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

41. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

41.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới đến Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

41.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

41.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

41.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

41.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

41.4.1. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

41.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

41.8. Phí, lệ phí: Không có.

41.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

41.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

41.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIẠN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD
IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
To: Department of Transport of..... province

.....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
2. Địa chỉ: (*Address*)
3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe (*Registration number*):
 - Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number)được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of) (dd/mm/yyyy)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)
5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

.....
.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

42. Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam

42.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai (Sở Giao thông vận tải).

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc. Trường hợp không giới thiệu, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

42.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

42.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị theo mẫu;

- Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

42.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

42.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

42.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

42.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc.

42.8. Phí, lệ phí: Không có.

42.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị giới thiệu xin cấp Giấy phép vận tải loại D.

42.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

42.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị giới thiệu xin cấp Giấy phép vận tải loại D
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIỚI THIỆU XIN CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ.....
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Địa chỉ Email:
5. Giấy phép (vận chuyển hàng quá khổ, quá tải hoặc hàng nguy hiểm) số cấp ngày.....
6. Đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D cho phương tiện Việt Nam thực hiện vận tải hàng hóa sang Trung Quốc như sau:

Xe số 1:

Biển kiểm soát:	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 2:

Biển kiểm soát:	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc

7. Đề nghị Sở Giao thông vận tải giới thiệu với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tạo điều kiện cấp giấy phép cho phương tiện.
8. Người liên hệ nhận giấy giới thiệu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

.... ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

43. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc

43.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai (Sở Giao thông vận tải).

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc. Trường hợp không giới thiệu, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

43.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

43.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép vận tải loại D theo mẫu;

- Giấy Giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền của phía Trung Quốc (bản sao kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung hoặc tiếng Trung và tiếng Anh);

- Giấy phép vận chuyên hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao);

- Giấy phép vận chuyên hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc cấp (bản sao có chứng thực kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung hoặc tiếng Trung và tiếng Anh);

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao có chứng thực kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang

tiếng Việt hoặc tiếng Anh đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung hoặc tiếng Trung và tiếng Anh).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

43.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

43.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

43.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

43.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc.

43.8. Phí, lệ phí: Không có.

43.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D

- Giấy phép vận tải đường bộ loại D (cấp cho phương tiện của Trung Quốc).

43.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

43.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
 TRANSPORT OPERATOR NAME NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence-Freedom-Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
 APPLICATION FORM FOR TRANSPORT PERMIT - D

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....province

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator
 Name):

2. Địa chỉ
 (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number):Số Fax (Fax
 number):.....

4. Địa chỉ email (Email address):

5. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy
 hiểm) số ... ngày.....

Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous
 goods).....date...(dd/mm/yyyy)

6. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số do
 (cơ quan của Trung Quốc)cấp ngày

Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) issued
 by (Chinese authority)dated(dd/mm/yyyy)

7. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D cho các phương tiện sau đây (Request for
 issuing Transport Permit - D for following vehicles):

Xe số 1:

Vehicle No.1:

Biển số xe: Plate Number:....	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 2:

Vehicle No.2:

Biển số xe: Plate Number:....	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyên: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 3:.....

Vehicle No.3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc

Specifying proposed routes, stops and parking places in both Viet Nam and China

8. Người liên hệ (Contact person)

Họ và tên (Full name).....

Điện thoại (Telephone number):.....

....., ngày tháng ... năm

Place,(dd/mm/yyyy)

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Transport Operator Name)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

Mẫu Giấy phép vận tải loại D

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ D in chìm màu vàng đậm.

VN	Năm: _____ 年	CHN	
Số (编号)			
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章	

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D

CẤP CHỖ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM
 VÀ HÀNG SIÊU TRỌNG, SIÊU TRỌNG GIỮA HAI NƯỚC
 CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

D 种行车许可证
 用于两国间危险货物运输和超限货物运输车辆
 当年1次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trọng tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Loại hàng hoá 货物种类			
4. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
5. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站			
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu. 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

44. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

44.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện đang lưu hành.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

44.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

44.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

44.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

44.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

44.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

44.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.

44.8. Phí, lệ phí: Không có.

44.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

44.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

44.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence-Freedom-Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class...): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):
.....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian
ngày, từ ngày..... đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

45. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

45.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đến Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

45.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

45.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

45.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

45.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

45.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

45.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

45.8. Phí, lệ phí: Không có.**45.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

45.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**45.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

..., ngày ... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa
- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
DEPARTMENT OF TRANSPORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
VIET NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...
Place,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

46. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

46.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đến Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

46.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

46.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

46.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

46.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

46.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

46.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

46.8. Phí, lệ phí: Không có.**46.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

46.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**46.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa
- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
 PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
 DEPARTMENT OF TRANSPORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO VIET NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

47. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

47.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho Sở Giao thông vận tải;
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

b) Giải quyết TTHC

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

47.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

47.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:
 - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
 - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).
- * Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh

nghiệp trên lãnh thổ Lào:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.
 - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác)
 - Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).
- b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

47.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

47.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

47.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

47.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;
- Phù hiệu liên vận giữa Việt Nam - Lào

47.8. Phí, lệ phí: Không có.

47.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

47.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

47.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào sốngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định b) Khách du lịch:
 c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:Lào)
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình tuyến đường:
Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày

..., ngày... tháng ... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số: ngày cấp:
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

7. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:


d) Mục đích khác

..., ngày ... tháng ... năm...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO**

VIET NAM - LAOS
VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT
PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):.....

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to
operate conveniently and to render the vehicle any
assistance as necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Thông tin cơ bản về phương tiện
 General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)

- Năm sản xuất (Manufacture year):

Chi tiết về cơ quan/đơn vị được cấp giấy phép liên vận
 Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Telephone number):

- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):
.....

- Loại xe (Model):
.....

Xe tải (truck) Xe khách (Bus) Xe khác (Others)

- Màu sơn (Colour):
.....

- Số máy (Engine No.):
.....

- Số khung (Chassis No.):
.....

- Trọng tải (Gross weight):
.....

Trang 1

Số Fax (Fax number):

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam – Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator):

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate)

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):.....

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Issuing date):

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày tháng ... năm

This permit is extended until
(dd/mm/yyyy)

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....

Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, stamp)

Ghi chú (Notices):

Cơ quan cấp phép Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 3			
HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date
Hướng dẫn (Instruction) 1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.			

Trang 4			
HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date
Ghi chú (Notices): Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.			

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Red cover used for al vehicles.

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào

Số (Number):.....

**PHÙ HIỆU
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
STICKER**

VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)

Cơ quan cấp phép/Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ

(from).....Đến (until).....

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

48. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

48.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho Sở Giao thông vận tải;
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

b) Giải quyết TTHC

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

48.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

48.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của

doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
 - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);
 - Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).
- * Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.

* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại
- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

48.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

48.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

48.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

48.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;

48.8. Phí, lệ phí: Không có.

48.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

48.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

48.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào cấp sốngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:Lào)
Cự ly vận chuyển:km
Hành trình tuyến đường:
Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày

..., ngày... tháng ... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số: ngày cấp:
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

7. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:


d) Mục đích khác

..., ngày ... tháng ... năm...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO</p> <p>VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số Giấy phép (Permit Number):.....</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
---	---

<p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number) </p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications) </p> <p>- Năm sản xuất (Manufacture year): </p>	<p>Chi tiết về cơ quan/đơn vị được cấp giấy phép liên vận Details of Organization granted transport permit</p> <p>Tên cơ quan/đơn vị (Organization name): </p> <p>Địa chỉ (Address): </p> <p>Điện thoại (Telephone number):</p>
--	---

- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):
.....

- Loại xe (Model):
.....

Xe tải (truck) Xe khách Xe khác
 (Bus) (Others)

- Màu sơn (Colour):
.....

- Số máy (Engine No.):
.....

- Số khung (Chassis No.):
.....

- Trọng tải (Gross weight):
.....

Trang 1

Số Fax (Fax number):

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam – Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator):

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate)

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):.....

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Issuing date):

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày tháng ... năm

This permit is extended until
(dd/mm/yyyy)

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....

Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, stamp)

Ghi chú (Notices):

Cơ quan cấp phép Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 3			
HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date
Hướng dẫn (Instruction)			
1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.			

Trang 4			
HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date
Ghi chú (Notices):			
Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.			

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Red cover used for al vehicles.

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào

Số (Number):.....	
PHÙ HIỆU	
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO	
STICKER	
VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)	Cơ quan cấp phép/Issuing Authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)
Số đăng ký (Registration Number):	
Thời hạn (Period of validity): từ (from).....Đến (until).....	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

49. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

49.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

49.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

49.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

49.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

49.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

49.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

49.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận

49.8. Phí, lệ phí: Không có.

49.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào;

49.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

49.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):.....
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):số Fax (Fax number)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos – Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày ... đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng ... năm ...

Place,..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn
(Applicant Name)**

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

50. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

50.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng (sau đây gọi là Sở Giao thông vận tải).

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

50.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

50.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

50.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

50.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

50.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

50.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (Gia hạn trong Giấy phép liên vận hoặc gia hạn bằng văn bản)

50.8. Phí, lệ phí: Không có.

50.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam;

50.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

50.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn**(Applicant Name)***(Ký, ghi rõ họ và tên)**(Signature and full name)*

51 Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

51.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

51.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

51.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

51.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

51.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

51.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

51.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (Gia hạn trong Giấy phép liên vận hoặc bằng văn bản)

51.8. Phí, lệ phí: Không có.

51.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam;

51.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

51.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIẠN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,.. (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

52. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

52.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, bưu chính, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

52.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

52.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

52.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

52.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

52.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

52.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

52.8. Phí, lệ phí: Không có.

52.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

52.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

52.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyên: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và
Campuchia**
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyên: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bên bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bên xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT

...., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỔ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Giao thông vận tải nhận được công văn số ngày ... tháng năm ... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Sở GTVT thông báo như sau:

Thông báo cho phép được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số xe tham gia khai thác:

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bên xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Giao thông vận tải Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

53. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

53.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Khi có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại thông báo khai thác tuyến, ký hiệu phân biệt quốc gia, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác cho Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Giao thông vận tải thông báo ngừng khai thác tuyến và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác;

- Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến sau khi đã niêm yết tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày.

53.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính.

53.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Thông báo khai thác tuyến;

- Ký hiệu phân biệt quốc gia;

- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

53.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

53.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

53.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

53.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

53.8. Phí, lệ phí: Không có.

53.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

53.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

53.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH..
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TCĐBVN-VT

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia:

Sở Giao thông vận tải..... thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh/thành phố (nơi đi))

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh/thành phố (nơi đến).....).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải..

(Ký tên, đóng dấu)

54. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

54.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, bưu chính, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

54.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

54.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

54.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

54.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

54.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

54.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

54.8. Phí, lệ phí: Không có.

54.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

54.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

54.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyên: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang băng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bên bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bên xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:
(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

55. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia

55.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến.

55.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

55.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

55.4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

55.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

55.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

55.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

55.8. Phí, lệ phí: Không có.

55.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

55.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

55.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: .../SGTVT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
TĂNG/ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ
ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Sở Giao thông vận tải... thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)